

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Dung và bà Trần Thị Thúy

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Hồng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024. Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Vi Thị B**, sinh năm 1990

Nơi thường trú: Thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)

Bị đơn: **Anh Lương Xuân H**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc nguyên đơn chị Vi Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Xuân H chung sống với nhau vào năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2009. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống,

tính tình không còn hòa hợp. Chị đã bỏ đi làm và sống ly thân với anh H được mấy tháng. Chị nhận thấy hiện nay tình trạng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, anh chị đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không quay lại chung sống với nhau được, tình cảm vợ chồng không còn tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh H có 02 con chung là Lương Xuân H1, sinh ngày 30/3/2007 và Lương Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2010. Sau khi ly hôn chị xin được giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi vì chị đi làm xa chưa có đủ điều kiện vật chất để nuôi con, còn anh H đã có nhà ở ổn định nên tiện cho việc nuôi dưỡng các con hơn chị. Về cấp dưỡng: Chị xin không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại điều kiện kinh tế của chị còn khó khăn, thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lương Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vi Thị B chung sống với nhau vào cuối năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2009. Trong thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lý do anh đi uống rượu về nhà vợ chồng xảy ra cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Anh và chị B đã sống ly thân được khoảng hơn 04 tháng. Hiện nay chị B xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với vợ, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là Lương Xuân H1, sinh ngày 30/3/2007 và Lương Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2010. Sau khi ly hôn chị B xin giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, thì anh đồng ý.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh H. Về con chung đề nghị giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu nên chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Lương Xuân H, địa chỉ thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị B và anh H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B và anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập nhau, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau được hơn 04 tháng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị B được ly hôn với anh H là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị B và anh H có 02 con chung là Lương Xuân H1, sinh ngày 30/3/2007 và Lương Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án chị B xin được giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi vì chị đi làm xa, thu nhập không ổn định nên không có khả năng nuôi con, anh H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Nguyên vọng của cháu Lương Xuân H1 và cháu Lương Thị Thu H muốn được ở cùng với bố. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị B và anh H có phát sinh tranh chấp về nuôi dưỡng con chung

và cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phân chia tài sản chung và công nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị B và anh H có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị B đối với anh Lương Xuân H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Lương Xuân H.

Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Lương Xuân H1, sinh ngày 30/3/2007 và cháu Lương Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Anh H không được quyền cản trở chị B đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị B và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0003527 ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện E.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã I, huyện E;
- UBND xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài